

Số: **46** /BC-UBND

Bỉm Sơn, ngày **14** tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP, công khai dự toán NSNN và kiểm tra tiền sử dụng đất năm 2018

Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

Căn cứ Quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc giao dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 675/STC-NSHX ngày 28/02/2017 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP, công khai dự toán NSNN và kiểm tra tiền sử dụng đất năm 2018;

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo tình hình thực hiện giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP, công khai dự toán NSNN và kiểm tra tiền sử dụng đất năm 2018 với nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP và công khai dự toán năm 2018:

1. Về giao dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2018:

1.1. Về hồ sơ và thời gian giao dự toán thu NSNN, thu chi NSDP:

Thực hiện Quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc giao dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng nhân dân, UBND thị xã Bỉm Sơn đã ban hành các văn bản sau để giao dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn thị xã:

- Tờ trình số 2472/TTr-UBND ngày 14/12/2017 của UBND Thị xã về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu Ngân sách nhà nước, chi Ngân sách địa phương và phương án phân bổ Ngân sách cấp Thị xã năm 2018;

- Tờ trình số 2470/TTr-UBND ngày 14 /12/2017 của UBND Thị xã về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2018;

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thị xã khóa XI, kỳ họp thứ 4 về phê chuẩn dự toán thu Ngân sách nhà nước, chi Ngân sách địa phương và phương án phân bổ Ngân sách cấp Thị xã năm 2018;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thị xã khóa XI, kỳ họp thứ 4 về phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2018;

- Quyết định số 4590/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND thị xã về việc giao dự toán thu Ngân sách nhà nước, chi Ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thị xã năm 2018;

- Quyết định số 4591/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND thị xã về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

- Quyết định số 4592/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND Thị xã về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết cho các dự án từ nguồn vốn đầu tư phát triển thị xã năm 2018.

- Thông báo số 240/TB-TCKH ngày 23/12/2017 của Phòng Tài chính-KH về việc thông báo dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2018;

- Thông báo số 241/TB-TCKH ngày 23/12/2017 của Phòng Tài chính-KH về việc thông báo kế hoạch vốn đầu tư năm 2018;

Việc giao dự toán thu NSNN, chi NSDP được thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Sau khi HĐND phê chuẩn dự toán, UBND Thị xã đã ban hành Quyết định giao dự toán chi tiết cho các đơn vị dự toán cấp thị và ngân sách cấp xã.

1.2. Về nội dung giao thu NSNN, thu chi NSDP:

+ Số giao dự toán:

- Thu NSNN trên địa bàn: 236.103 triệu đồng;

- Thu điều tiết Ngân sách cấp Thị: 201.292 triệu đồng;

(Chi tiết tại biểu mẫu số 1)

+ Số giao dự toán thu chi ngân sách cho đơn vị dự toán cấp thị và ngân sách cấp xã:

- Đơn vị dự toán cấp thị: 252.206 triệu đồng;

- Ngân sách cấp xã: 42.072 triệu đồng;

(Chi tiết tại biểu mẫu số 2)

+ Chi đầu tư XD CB trên địa bàn: 90.588 triệu đồng;

- Chi đầu tư XD CB cấp Thị: 79.582 triệu đồng;

- Chi đầu tư XD CB cấp xã: 11.006 triệu đồng;

Việc giao dự toán năm 2018 cho các đơn vị dự toán cấp thị và ngân sách cấp xã đã đảm bảo chi đủ các chế độ, chính sách theo định mức mới giai đoạn 2017-2020. Trên cơ sở số thu điều tiết và tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn để sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp. Việc sắp xếp hợp lý các nhiệm vụ chi trên cơ sở nguồn lực Ngân sách thị xã vẫn còn gặp không ít khó khăn, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, giáo dục-đào tạo, kiến thiết thị chính...

2. Về thực hiện cơ chế, chính sách:

+ *Cơ chế tạo nguồn và sử dụng nguồn cải cách tiền lương:* Thực hiện hướng dẫn của Sở Tài chính về việc thực hiện dự toán 2018, UBND thị xã chủ động huy động tiết kiệm thêm 10% để cải cách tiền lương và giữ lại tại Ngân sách Thị xã; đối với cấp xã giao tiết kiệm thêm 10% thực hiện cải cách tiền lương giữ tại Ngân sách cấp xã. Huy động trực tiếp 40% thu học phí (tạm tính theo dự toán thu) của các đơn vị có thu học phí để tạo nguồn CCTL.

Khi có chính sách của nhà nước về thực hiện mức lương cơ sở mới, hoặc hướng dẫn sử dụng nguồn CCTL, Thị xã tổng hợp nhu của từng đơn vị, xem xét hỗ trợ bổ sung đối với cấp xã nếu nguồn tiết kiệm 10% thực hiện CCTL tại đơn vị không đáp ứng được; và bổ sung toàn bộ đối với các đơn vị dự toán khác (kể cả những đơn vị có thu học phí).

+ *Tình hình phân bổ, thực hiện nguồn kinh phí ngoài dự toán:* Thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật, hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí, chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi: 812 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Nghị định 136/NĐ-CP: 7.510 triệu đồng.

+ *Tình hình thực hiện chuyển nguồn từ năm 2017 sang 2018:* Việc chuyển các nguồn và các nội dung chi chưa sử dụng sang năm 2018 được thực hiện sau ngày 31/01/2018. Tổng kinh phí chuyển nguồn: 6.771.301.974 đồng. Trong đó:

- Kinh phí chưa phân bổ chuyển nguồn sang 2018: 2.895.159.000 đồng;

- Kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị chuyển nguồn sang 2018 tiếp tục thực hiện: 2.017.036.974 đồng;

- Kinh phí tạm ứng đầu tư XD CB chuyển sang thanh toán năm 2018: 1.859.106.000 đồng.

+ *Phân bổ nguồn kết dư năm trước:* Nguồn kết dư từ năm 2016 sang năm 2017 để sử dụng, sau khi báo cáo HĐND Thị xã tại kỳ họp thứ 3, HĐND khóa XI, UBND thị xã đã phân bổ cho các nội dung sau:

- Chi Đầu tư XD CB: 7.033 triệu đồng (trong đó Ngân sách thị xã: 3.110 triệu đồng; Ngân sách xã phường: 3.923 triệu đồng).

- Chi Thường xuyên: 3.776 triệu đồng (trong đó Ngân sách thị xã: 2.478 triệu đồng; Ngân sách xã phường: 1.298 triệu đồng).

- Chi thực hiện Cải cách tiền lương: 5.059 triệu đồng.

+ *Đánh giá thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:* việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và cơ chế tự chủ ở các đơn vị hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính

phủ: Tất cả các đơn vị dự toán cấp thị và các xã đều thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo đúng quy định.

3. Về báo cáo một số chỉ tiêu kinh tế-xã hội:

- Về số học sinh thực tế, tính đến tháng 12/2016 số học sinh thực tế trên địa bàn là: 13.005 học sinh; Khối mầm non: 4.537 học sinh; Khối tiểu học: 5.004 học sinh; Khối THCS: 2.844 học sinh; Trung tâm giáo dục thường xuyên: 0 học sinh; Trung cấp nghề 620 học sinh.

- Tình hình thực hiện và rà soát hộ nghèo: Ngày 25/8/2017 UBND thị xã Bim Sơn đã ban hành kế hoạch số 1646/ KH-UBND về việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo thị xã Bim Sơn năm 2017. Kết quả rà soát như sau: có 332 hộ nghèo đạt tỷ lệ 2,09% và 372 hộ cận nghèo đạt tỷ 2,34%.

- Tình hình rà soát thẻ BHYT: Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 2835LN/LĐTBXH-TC-YT-BHXH ngày 10/12/2009 của Liên ngành Lao động TB&XH- Sở Tài Chính- Sở Y tế và BHXH tỉnh Thanh Hóa, UBND Thị xã Bim Sơn đã ký hợp đồng với BHXH thị xã Bim Sơn mua thẻ BHYT cho các đối tượng trên địa bàn. Năm 2017, thực hiện mua thẻ BHYT cho 18.933 đối tượng, tổng kinh phí thực hiện: 8.658 triệu đồng. Dự toán năm 2018 thực hiện mua thẻ BHYT cho 19.978 đối tượng, tổng kinh phí dự kiến: 9.253 triệu đồng.

- Đối tượng hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định 136: năm 2017, tổng số đối tượng hưởng chế độ theo ND 136 là 1.941 người.

4. Về công khai dự toán Ngân sách:

Thị xã Bim Sơn đã thực hiện công khai dự toán Ngân sách đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai đảm bảo đúng quy định tại Quyết định 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

- Có 8/8 = 100% xã phường thực hiện công khai đúng quy định.

- Có 50/50 = 100% đơn vị dự toán cấp thị thực hiện công khai đúng quy định.

II. Công tác thu, chi tiền sử dụng đất:

1. Thu tiền sử dụng đất:

- Các dự án đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn từ năm 2016 trở về trước còn nợ tiền sử dụng đất, nộp năm 2017:

Trong đó: + Đã nộp NSNN để điều tiết: 3.295 triệu đồng;

+ Số ghi thu ghi chi: 4.665 triệu đồng;

+ Số còn phải nộp: 5.948 triệu đồng (trong đó: 4.280 triệu đồng là ghi thu ghi chi HTKT);

- Các dự án đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn năm 2017: 7.500 triệu đồng;

Trong đó: + Đã nộp NSNN để điều tiết: 1.375 triệu đồng;

+ Số còn ở TK tạm giữ (tính đến 31/01/2017): 3.221 triệu đồng.
+ Số còn phải nộp: 2.903 triệu đồng, các cá nhân trúng đấu giá chủ yếu nộp tiền trong tháng 2/2018 (trước Tết âm lịch).

2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

- Tổng tiền sử dụng đất điều tiết cho Thị xã: 8.455 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất đã chi đến hết 31/12/2017: 7.008 triệu đồng.

Trong đó: + Ghi thu ghi chi: 4.665 triệu đồng;

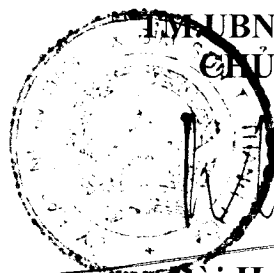
+ Thanh toán các công trình: 2.343 triệu đồng;

- Tổng tiền sử dụng đất điều tiết cho Thị xã chưa chi: 1.447 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo của UBND thị xã Bim Sơn về tình hình thực hiện giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP, công khai dự toán NSNN và kiểm tra tiền sử dụng đất năm 2018 của Thị xã.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Thanh Hóa (để B/c);
- Lưu: VT, TCKH.

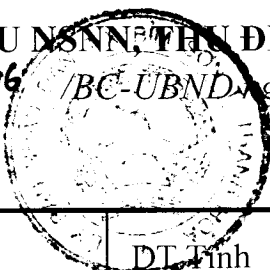


**UBND THỊ XÃ
CHỦ TỊCH**

Bùi Huy Hùng

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN, THU ĐIỀU TIẾT THỊ XÃ BỈM SƠN

(Kèm theo Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2018)



ĐVT: Trđ

STT	Nội dung	DT Tỉnh giao	DT huyện giao	CL Huyện giao tăng thu	Ghi chú
1	2	3	4	5 = (4-3)	6
A	Thu NSNN	146 400	236 103	89 703	
	Tổng số	146 400	236 103	89 703	
I	Cục Thuế thu				
II	Huyện, thị xã, thành phố thu	146 400	211 529	65 129	
1	Thu từ khối DNNN	700	700		
2	Thuế CTNNQD	70 000	70 017	17	
3	Thu khác CTN	2 400	2 400		
4	Thuế Thu nhập cá nhân	6 500	6 500		
5	Thu tiền sử dụng đất	20 000	83 974	63 974	
6	Thuế sử dụng đất phi NN	2 200	2 538	338	
7	Thu tiền thuê đất	8 000	8 000		
8	Lệ phí trước bạ	21 500	21 500		
9	Phí BVMTKTKS	5 500	5 500		
10	Phí, lệ phí khác	1 900	1 900		
11	Thu cấp quyền KTKS	2 700	2 700		
12	Thu tại xã	3 500	3 500		
13	Thu khác NSH	1 500	2 300	800	
III	Thu quản lý qua NSNN		24 574	24 574	
B	Thu điều tiết NS cấp huyện và xã	169 032	222 888	52 281	
	Tổng số	169 032	222 888	52 281	
	<i>Trong đó</i>				
	Thu tiền sử dụng đất (SDD)	15 000	66 317	51 317	
	Ghi thu ghi chi tiền thuê đất		1 575	1 575	
	Các khoản thu trừ tiền SDD	154 032	156 571	964	
C	Tăng thu để CCTL (50%)			482	

TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN CHI NS CẤP THỊ, CẤP XÃ NĂM 2018 THỊ XÃ BỈM SƠN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2018)

ĐV: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tỉnh giao	Huyện giao		Chênh lệch	Đã giao DT cho các đơn vị	Chưa giao DT cho các đơn vị	
			Tổng số	Trong đó:				
				Huyện				Xã
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8	9
A	DỰ TOÁN CHI NSHX (ĐÃ TRỪ TK 10%, 40% HP)	215 848	294 277	252 206	42 072	78 429	281 078	9 478
I	Chi Đầu tư XDCB	15 000	90 588	79 582	11 006	75 588	82 587	8 000
1	Từ nguồn thu tiền SD đất	15 000	66 317	63 984	2 333	51 317	58 316	8 000
T.đó:	- Các công trình đã QT còn thiếu vốn		5 914	5 914			5 914	
	- Các công trình đang hoàn thành		7 350	7 350			7 350	
	- Các công trình mới bố trí năm dự toán		12 452	10 120	2 333		12 452	
	- Ghi thu ghi chi		32 600	32 600			32 600	
	- Chi MT KTXH		8 000	8 000				8 000
2	Từ chuyển nguồn NS năm trước							
3	Từ nguồn khác (nếu có)		24 271	15 598	8 673	24 271	24 271	
II	Chi Thường xuyên	197 128	199 969	169 809	30 161	2 841	198 491	1 478
1	Chi SN Kinh tế	18 379	17 582	16 982	600	- 797	17 467	115
T.đó:	- Chi chế độ cho bộ máy	635	635	635			635	
	- Chi các lĩnh vực kinh tế	17 744	16 947	16 347	600		16 832	115
2	Chi SN Môi trường	33 052	23 293	23 053	240	- 9 759	23 293	
	- Chi từ phí BVMT	19 890	10 131	10 131				
3	Chi SN VHHT-TDĐT-TTTT	1 803	7 963	7 668	295	6 160	7 963	
	- Chi SN VHHT-TDĐT-TTTT	1 803	1 803	1 508	295			
	- Chi từ nguồn đóng góp di tích		6 160	6 160				
	Chi SN PT-TH	1 062	1 062	975	87		1 062	
5	Chi SN Y tế (mua thẻ BHYT)	10 472	10 472	10 472			10 472	
a	<i>Đối tượng được NSNN đóng BHYT</i>		<i>11 318</i>	<i>11 318</i>				
	- Người nghèo		1 318	1 318				
	- 135 không nghèo							
	- Bảo trợ xã hội		770	770				
	- Cựu chiến binh		294	294				
	- KC sau 1975		368	368				
	- TNXP, DQDK		102	102				
	- Người cao tuổi		484	484				
	- DTTS sống ở vùng KK							
	- Người sống ở vùng ĐBKK							
	- Người sống ở xã đảo							
	- Người CC thuộc NSDP quản lý							
	- Trẻ em dưới 06 tuổi		7 982	7 982				
	- Đối tượng BTXH còn lại							
b	<i>Đối tượng NSNN hỗ trợ đóng BHYT</i>		<i>8 660</i>	<i>8 660</i>				
	- Người thuộc hộ cận nghèo:		989	989				

TỈNH HÌNH THỦ - CHỈ TÀI KHOẢN TẠM GIỮ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THỊ XÃ BÌM SƠN

(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số đã thu vào tài khoản tạm giữ sau khi được giao đất đến 31/12/2016 (1)	Số đã chi đến 31/12/2016		Số thu trong năm 2017			Số chi trong năm 2017 (8)	Ghi chú (10)
			Tổng số (2)=(3)+(4)	Nộp NSNN	Thanh toán cho dự án và GT-GC	Tổng số (5)=(6)+(7)	Số dư năm trước chuyển sang		
A	B			(3)	(4)		(6)=(1)-(2)	(7)	(10)
1	Tổng cộng Khu xen cư thôn Diên Lư, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn	-						4.597	
-	Nộp NSNN							3.440	
2	Đất xen cư Nam đường Phùng Hưng, phường Phú Sơn							200	
3	Khu dân cư Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình							957	
								1.375	

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THỊ XÃ BỈM SƠN
NĂM 2017**



Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	TỔNG THU		
1	Tổng thu (chưa tính điều tiết)	13.963	
-	Dự toán giao đầu năm	55.842	
-	Số tăng thu (hoặc hụt thu)	41.879	Hụt thu
2	Tổng thu đã tính điều tiết	10.142	
-	Dự toán giao đầu năm	44.089	
-	Số tăng thu (hoặc hụt thu)	33.947	Hụt thu
II	TỔNG CHI	7.008	
1	Chi bằng hình thức ghi thu - ghi chi	4.665	
-	Khu biệt thự Tây đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	4.665	
2	Chi bằng hình thức bổ sung kinh phí	2.343	
-	Đường điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Phan Chu Trinh đến Lê Lợi)	400	
-	Cải tạo trụ sở HĐND và UBND	500	
-	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Kiên	174	
-	Cải tạo trụ sở cơ quan thị ủy Bỉm Sơn	400	
-	Nhà hiệu bộ trường Lê Hồng Phong	369	
-	HTKT khu dân cư khu phố 4+5 phường Bắc Sơn	500	

TÌNH HÌNH THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC DỰ AN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌM SƠN

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp theo Quyết định giao đất	Số tiền được miễn, giảm	Số tiền còn phải nộp theo quy định	Số đã nộp đến 31/12/2017	Số còn lại tiếp tục nộp đóc, thu hồi	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng cộng Khu biệt thự Tây đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn Khu dân cư khu phố 6, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn	28.572		28.572	24.293	5.948	
2		38.289		38.289	36.621	1.668	

BẢNG KÊ ĐƠN VỊ NỢP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT: ĐẤU GIÁ, GIAO ĐẤT ĐẾN NGÀY 31/12/2017

DVT: Trđ

TT	Mặt bằng, dự án sử dụng đất	Đơn vị trúng đấu giá, được giao đất	Tổng mức đầu tư dự án (GPMB & ĐHTT)	Tiền SDD trúng đấu giá phải nộp		Tiền SDD đã nộp NSNN đến 31/12/2016		Tiền SDD còn phải nộp NSNN đến 31/12/2016		Tiền SDD đã nộp NSNN đến 31/12/2017		Tiền SDD phải nộp NSNN đến 31/12/2017	
				Diện tích	Kinh phí	Diện tích	Kinh phí	Diện tích	Kinh phí	Diện tích	Kinh phí	Diện tích	Kinh phí
I	DA Đấu giá trước 2017				7.952					1.828			6.124
1	Đất xen cư khu phố 4, khu phố 9 phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	Vũ Hữu Vọng Lê Thị Hồng Oanh	0		180	453	0	180	453	180	453		0
II	Dự án đấu giá năm 2017				7.500					1.375			6.124
1	Khu xen cư thôn Điền Lư, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn	Vũ Văn Hùng Vũ Văn Thức Lê Thị Thắm Lê Thị Thắm Vũ Văn Cừ Vũ Văn Cừ Phạm Thị Thơ Tống Văn Tuấn Phạm Ngọc Định Phạm Ngọc Định Đàm Thành Đạt Đàm Thành Đạt Nguyễn Văn Nam Nguyễn Văn Nam Trương Thị Như Trương Quốc Khánh	1.831	1884,5	216	216		90	180	90	273		2.065
2	Đất xen cư Nam đường Phùng Hưng, phường Phú Sơn	Phạm Văn Vụ		326	1.414							326	1.414
				100	450							100	450

3	Khu dân cư Bắc đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình	Phạm Văn Vũ	100	422						100	422	
		Đặng Thị Oanh	126	542						126	542	
		Chu Thị Hồng Hiền	90	378						90	378	
		Nguyễn Thị Hòa	90	378						90	378	
		Vũ Thị Hoài Yên	90	378						90	378	
		Vũ Thị Nguyên	90	378						90	378	
		Phạm Văn Cường	90	378						90	378	
		Phạm Văn Cường	90	378						90	378	
		Phạm Văn Cường	90	376						90	376	
				630	2.646						630	2.646

